

Số: 116 /2020 /QĐST- HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 24 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 162/2020/TLST/HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1968

Bị đơn: Anh Phạm Đồng T1, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã D, huyện T, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1968

Bị đơn: Anh Phạm Đồng T1, sinh năm 1965

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đồng T1.

- *Về con chung:* Vợ chồng anh, chị có 04 con chung là cháu Phạm Thị T2 sinh ngày 05/6/1989, cháu Phạm Thị T3 sinh ngày 02/3/1990, cháu Phạm Thị Q, sinh ngày 19/01/1994 và cháu Phạm Đồng T4 sinh ngày 01/01/1997. Các cháu đã

đủ 18 tuổi trưởng thành, đã lập ra đình riêng, đi làm tự nuôi sống bản thân, nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản* : Ngày 9 tháng 6 năm 2020 chị Nguyễn Thị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản. Vì vậy đình chỉ đối với phần yêu cầu đã rút.

- *Về án phí*: Vợ chồng anh, chị thỏa thuận, anh T1 nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Số tiền tạm ứng án phí 8.237.500 (tám triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) chị T đã nộp theo biên lai số AA/2018/0004010 ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm, trả lại cho chị T 8.087.500đ (Tám triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKS Triệu Sơn
- Chi cục thi hành án Triệu Sơn
- UBND xã D
- phòng Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Lê Thị Thủy

